

WILLIAM J. DUKER
NGUYEN HOC & LAM HOANG MANH



HỒ-CHI-MINH

Chân Dung Một Cuộc Đời

WILLIAM J. DUKER
NGUYỄN HỌC & LÂM HOÀNG MẠNH



HỒ-CHI-MINH

Chân Dung Một Cuộc Đời

HỒ CHÍ MINH - CHÂN DUNG MỘT CUỘC ĐỜI

Nguyên bản **“HO CHI MINH, A LIFE”**

Tác giả: **WILLIAM J. DUIKER**

Người dịch: **NGUYỄN HỌC - LÂM HOÀNG MẠNH**

Được sự chấp thuận của tác giả **William J. Duiker**

Ebook: **Cuibap**

Nguồn text: **kbchaingoi.wordpress.com**

Kính tặng nhân dân Việt Nam
WILLIAM J. DUIKER



LỜI NÓI ĐẦU

Tôi bị thu hút bởi Hồ Chí Minh từ giữa những năm 1960 khi còn là một cán bộ ngoại giao trẻ tuổi làm việc tại toà đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Tôi lấy làm khó hiểu khi thấy những du kích Việt cộng chiến đấu trong rừng tỏ ra có kỷ luật và năng động hơn đội quân chính phủ Nam Việt, đồng minh của chúng tôi. Tìm hiểu vấn đề, tôi được giải thích, đó là do vai trò của người sáng lập và nhà chiến lược cự trạo bậc thầy cách mạng Việt Nam - Hồ Chí Minh. Sau khi thôi phục vụ trong chính quyền Hoa Kỳ theo đuổi sự nghiệp khoa học, tôi có ý định viết một cuốn tiểu sử về con người kỳ lạ này. Nhưng ngay lập tức tôi nhận ra, trong bối cảnh lịch sử thời kỳ đó, chưa thể có đầy đủ điều kiện để tiếp cận các nguồn thông tin. Vì thế tôi đành bỏ ý định, cho mãi đến những năm gần đây, thế giới trở nên cởi mở hơn, các nguồn tin tràn đầy vì thế đã thúc đẩy tôi bắt tay vào công việc khó khăn này.

Trong quá trình hoàn thành cuốn sách, tôi đã phải mất hơn hai thập niên trần trở, nhận được rất nhiều sự giúp đỡ của bè bạn cùng các quỹ của các cơ quan và hội đoàn. Quỹ nghiên cứu của trường College of Liberal Arts cũng như của Institute for the Art & Humanistic Studies thuộc trường Pennsylvania State University đã tài trợ kinh phí những lần tôi sang Pháp và Việt Nam để thực hiện đề tài nghiên cứu. Thông qua trợ lý Mark Side của Ford Foundation, tôi hân hạnh được tháp tùng Marilyn Young và A. Tom Grunfeld trong chuyến đến Hà nội năm 1993 để tìm hiểu mối quan hệ giữa

Hồ Chí Minh và Hoa Kỳ. Nhân đây tôi cũng xin cảm ơn Ủy ban Nghiên cứu Khoa học Xã hội, Chương trình trao đổi Khoa học Đông Dương của Ủy ban và Viện Mác-Lênin đã cấp học bổng tài khoá năm 1990 trong thời gian làm đề tài nghiên cứu. Khi tôi ở đó, Viện Sử Học, Viện Marx-Lenin đã tạo mọi điều kiện cho tôi được trao đổi, thảo luận các chủ đề khác nhau về Hồ Chí Minh và lịch sử cách mạng Việt Nam. Học viện Quan hệ Quốc tế đã tài trợ chuyến đi trước đó - 1985 - kể cả chuyến đi thú vị thăm làng Kim Liên, quê hương của Hồ Chí Minh. Trong số những cá nhân trợ giúp trong thời gian tôi nghiên cứu ở Hà nội, tôi chân thành cảm ơn Nguyễn Huy Hoan - Bảo tàng Hồ Chí Minh, Nguyễn Thanh - Bảo tàng Cách mạng và Trần Thành - Viện Mác-Lênin, tất cả đồng ý trả lời những cuộc phỏng vấn chiếm nhiều thời gian. Tại Đại học Tổng hợp Hà Nội, những nhà sử học Phùng Hữu Phú, Lê Mậu Hãn, Phạm Xanh và Phạm Công Tùng vui lòng dành cho tôi thời gian, cung cấp những tư liệu về đời sống và tư tưởng của Hồ Chí Minh. Cố Viện trưởng Bảo tàng Hồ Chí Minh Hà Huy Giáp và Đặng Xuân Kỳ, khi đó là Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội, vui lòng trả lời những câu hỏi của tôi đối với những hồi ức cá nhân của họ về chủ tịch Hồ Chí Minh. Đỗ Quang Hưng, Ngô Phượng Bá, Văn Tạo, Trần Hữu Định tại Viện Sử học và Lưu Doãn Huỳnh thuộc Viện Quan hệ Quốc tế đã không quản ngại thời gian giúp đỡ tôi khai thác những vấn đề then chốt trong đề tài nghiên cứu.

Tôi cũng đặc biệt cảm ơn ông Vũ Huy Phúc, đã kiên nhẫn và rất hiếu khách, ông vừa tháp tùng vừa là cộng sự trong chuyến thăm Việt Nam năm 1990. Mới đây, ông Hoàng Công Thủy thuộc Hội hữu nghị Việt-Mỹ đã giúp tôi tiếp xúc nhiều người và nhiều nguồn khác nhau khi tôi đi theo đường mòn Hồ Chí Minh. Dương Trung Quốc - chủ bút tạp chí Xưa Nay, cung cấp cho tôi một số tạp chí rất hữu ích. Nguyễn Quốc Uy thuộc Việt Nam Thông tấn

xã đã vui lòng cho tôi được in lại trong cuốn sách này một số bức ảnh thuộc bản quyền Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Tôi đã đi thăm một số thư viện và các kho lưu trữ khắp thế giới để tìm kiếm những thông tin về những chuyến đi của Hồ Chí Minh. Ở Hoa Kỳ, tôi cảm ơn nhân viên Ban Đông Phương thuộc thư viện Quốc hội và Allan Riedy, giám đốc của Echols Collection tại Thư viện Kroch, Đại học Cornell. Tại Lưu trữ quốc gia Mỹ ở College Park, Maryland, John Taylor và Larry McDonald có những giúp đỡ giá trị trong việc tìm kiếm văn bản lưu trữ của O.S.S (Office of Strategic Service - Cơ quan Tình báo Chiến lược Mỹ) và các văn bản của Bộ Ngoại giao liên quan tới quan hệ Việt-Mỹ trong và sau Thế chiến II.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Thư viện Quốc gia, Cục Lưu trữ Quốc gia Paris, đặc biệt Trung tâm Lưu trữ của Section Outre-Mer của tỉnh Aix-en của Pháp quốc. Trong chuyến thăm viếng Moscow năm 1990, Gennadi Maslov, Yevgeny Kobelev và Oxana Novakova đã có những buổi trao đổi rất hữu ích khi thảo luận những vấn đề về mối quan hệ của Hồ Chí Minh trong những năm sống ở Liên xô, đồng thời Sophia Quinn-Judge và Steve Morris đã cung cấp cho tôi nhiều tài liệu quý giá mà họ đã thu thập được trong kho lưu trữ của Đệ Tam Quốc tế. Lê Hiến Hoàn của Bảo tàng Cách mạng tỉnh Quảng Châu đã cung cấp những kết quả nghiên cứu của chính ông về những năm tháng HCM sống trong thành phố và đưa tôi đi thăm quan một cơ sở đào tạo thú vị mà trước kia ông đã từng tham gia giảng dạy bảy mươi năm về trước.

Tôi cũng cảm ơn Tào Bình Vị và Diệp Hân tại Viện Nghiên cứu Quốc tế Bắc Kinh qua cuộc phỏng vấn tốn nhiều thời gian năm 1987 về những mối quan hệ Hoa-Việt. Bob O'Hara đã giúp tôi thu thập những tài liệu liên quan từ

Cục lưu trữ Quốc gia ở London. Trong việc nghiên cứu, tôi rất vui vì có nhiều cách khác nhau để tiếp cận mà tôi là người đại diện. Tôi cũng cảm ơn giáo sư Laura Tabili, Đại học Arizona, đã cung cấp những chỉ dẫn trong việc tìm kiếm những nguồn thông tin khác trong những năm Hồ Chí Minh sống ẩn dật ở Anh, cũng như nhân viên chi nhánh Hong Kong thuộc Cục Lưu trữ Quốc gia Anh tạo điều kiện cho tôi sử dụng những tài liệu lưu trữ liên quan tới thời kỳ Hồ Chí Minh bị tù ở đó vào đầu thập niên 1930. Đại sứ T.N. Kaul cũng giúp ích cho tôi trong việc trao đổi những kỷ niệm của ông về cuộc gặp gỡ giữa thủ tướng Jawaharlal Nehru và Chu Ân Lai mùa hè năm 1954.

Tôi cũng chịu ơn một số học giả, những nhà nghiên cứu, những người đã chia sẻ sự quan tâm của tôi về Hồ Chí Minh và lịch sử cách mạng Việt Nam. Trong một số trường hợp, danh sách tên của họ khá dài, vì nhiều người trong số này cung cấp cho tôi những tài liệu cốt lõi, hoặc truy cập những nghiên cứu của chính họ trong những chủ đề liên quan. Dù sao, tôi cũng muốn đưa tên của họ vào trong cuốn sách này. Ở Hoa Kỳ, Douglas Pike và Steve Denny thuộc Lưu trữ Đông Dương, bây giờ làm việc tại Texas Tech University, đã có những gợi ý bổ ích trong lần đi thăm đầu tiên kho lưu trữ của họ đặt ở Berkeley. Ngoài ra còn có King C. Chen, Stanley Karnow, Bill Turley, Gary Tarpinian và Mai Elliott. John McAuliff thuộc chương trình Hòa giải Hoa Kỳ-Đông Dương, rất hào tâm mời tôi tham dự hội nghị cựu chiến binh Việt Minh và Cơ quan Tình báo Chiến lược Hoa Kỳ (OSS) tổ chức tại Hampton Bays, New York, năm 1998. Trong số người tham dự hội nghị này có Frank White, Henry Prunier, Carlton Swift, Mac Shinn, Frank Tan, George Wicks, Ray Grelecki và Charles Fenn, cũng như một đoàn đại biểu cựu chiến binh Việt Minh và những học giả cũng tham dự, đã chia sẻ những kinh nghiệm thú vị, quý báu của chính họ trong thời kỳ đó cho tôi.

Trong một dịp trước đó, tôi may mắn được thảo luận về Hồ Chí Minh với Archimedes (Al) Patti, mà ký ức của ông đã được viết trong cuốn “Tại sao Việt Nam?” “Khúc dạo đầu của ó biển Hoa Kỳ” (Prelude to America's Albatross) (Berkeley: Nhà xuất bản Đại học California, 1980), là một nguồn thông tin quan trọng không thể thay thế được về chủ đề này. Bob Bledsoe, chủ tịch Ban khoa học chính trị thuộc Đại học Central Florida, rộng lòng cho phép tôi tìm tòi trong kho lưu trữ của Patti tại Đại học của ông. Tôi cảm ơn bà Magrgaret, quả phụ Al Patti, đã cho phép tôi in những tấm hình lấy từ lưu trữ đó trong cuốn sách này.

Ở Pháp, một số người đã giúp tôi theo nhiều cách khác nhau, bao gồm Georges Boudarel, Daniel Hemery, Christiane Pasquel Rageau và Philippe Devillers, cũng như Chris Goscha và Agathe Larcher. Stein Tonnesson sự giúp đỡ nhiều trong việc chia sẻ những kết quả của chính ông nghiên cứu tại Trung tâm lưu trữ, Section Outre-Mer, tại Aix-en-Provence. Tôi cũng xin được cảm ơn giáo sư Bernard Dahm, Đại học Passau đã mời tôi tham dự hội nghị về Hồ Chí Minh tại trường ông năm 1990. Lương Vô Ấm và Trần Kiểm tốt bụng cung cấp cho tôi những tài liệu chữ Trung là những tư liệu để hiểu được mối quan hệ của Hồ Chí Minh với Trung Hoa. Những học giả Nga, Ilya Gaiduk và Anatoly Sokolov dành thời gian hoặc gửi cho tôi những tài liệu hữu ích về mối quan hệ Xô-Việt. Giáo sư Motoo Furuta, Đại học Tổng hợp Tokyo gửi tôi một số tài liệu quan trọng mà ở Hoa Kỳ tôi không thể tìm được. David Marr, Đại học Tổng hợp quốc gia Úc cung cấp cho tôi một số tài liệu, bài báo và một cuốn băng ghi bài phát biểu nổi tiếng của Hồ Chí Minh tại Quảng trường Ba Đình đầu tháng 9-1945. Tôi cảm ơn Lí Ngọc Bình và Lưu Thượng Hoàng đã đóng góp và giúp đỡ rất nhiều khi còn là sinh viên của tôi tại Penn State, đã dành thời gian cung cấp những tài liệu hữu ích liên quan

những hoạt động của Hồ Chí Minh ở miền nam Trung Quốc.

Nhân đây, tôi xin cảm ơn David Lott ở Hyperion, trong ban biên tập, đã giúp đỡ trong việc xuất bản, Trent Duffy người phụ trách bản thảo, một công việc khó khăn để chuẩn hóa tài liệu tham khảo, tới Lisa Stokes và Phil Rose, phụ trách trình bày bìa, sắp xếp nội dung và tới Paul Pugliese, Dorothy Baker cũng như Archie Ferguson đóng góp bản đồ, sắp xếp nội dung và phần tổng thể. Mark Chait sẵn sàng giúp đỡ tôi không mệt mỏi trong quá trình xuất bản. Tôi đặc biệt cảm ơn biên tập viên, Will Schwalbe, đã khích lệ, đưa dự án này đến kết quả. Ngay từ đầu ông đã tỏ rõ mối quan tâm lớn lao là giúp tôi tạo ra một cuốn sách có chất lượng cao nhất. Sự kiên nhẫn, lòng hiếu khách và những lời khuyên của ông có giá trị thật vô bờ.

Tôi cảm ơn hai con gái tôi - Laura và Claire - đã không phàn nàn vì phải mất nhiều thời giờ trong nhiều năm để nghe cha chúng rao giảng về Việt Nam. Cuối cùng, tôi biết ơn vợ tôi vô cùng, Yvonne, không những là người đầu tiên đọc bản thảo mà còn tỏ sự kiên nhẫn lắng nghe những lần tôi nói về Hồ Chí Minh và coi ông như một thành viên trong gia đình.



DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC ĐƯỢC NHẮC ĐẾN TRONG CUỐN SÁCH:

Annam Cộng sản Đảng (ACP): Thời gian đảng tồn tại rất ngắn, được thành lập tại Đông Dương năm 1929 sau khi Hội Thanh niên cách mạng bị giải thể. Sau đó được sát nhập vào Đảng cộng sản Việt Nam tháng 2/1930

Đội tuyên truyền giải phóng quân (APB): Một đơn vị quân đội cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đông Dương Cộng sản Đảng, thành lập tháng 12-1944, chuẩn bị cuộc khởi nghĩa sau Thế chiến thứ II kết thúc. Tiền thân của Việt Nam Giải Phóng Quân (VLA).

Cứu quốc quân: Đơn vị vũ trang được tổ chức hoạt động chống Pháp và Nhật ở Bắc Việt 1944, sau đó được sát nhập vào Đội Tuyên truyền Giải Phóng quân (APB) thành Việt Nam Giải Phóng Quân (VLA).

Quân đội Việt Nam Cộng hòa: Quân đội của chính quyền Việt Nam Cộng hòa từ 1956-1975.

Quốc gia Liên hiệp Việt Nam (ASV): Chính quyền của Bảo Đại được Hiệp định Elysée năm 1949 thừa nhận. Chính quyền tự trị dưới sự lãnh đạo của Quốc trưởng Bảo Đại nhưng thiếu sự ủng hộ. ASV hợp tác với Pháp trong cuộc chiến tranh Pháp - Việt Minh. Sau hiệp định Geneva 1954, ASV bị chính quyền miền Nam Việt Nam Độc lập thay thế.

Tâm Tâm Xã: Tổ chức cách mạng cực đoan do một số phần tử di cư sống ở nam Trung Quốc, thành lập năm 1924. Sau này Hồ Chí Minh chuyển thành

Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội.

Hội nghiên cứu chủ nghĩa Max: Hội thành lập trên giấy do Đảng cộng sản Đông Dương lập ra khi tự giải tán và rút vào bí mật tháng 11 năm 1945. Nhưng sự thật, Đảng cộng sản vẫn hoạt động bí mật cho đến khi Đảng Lao động ra đời năm 1951.

Cao Đài: Một tổ chức tôn giáo hồ lớn phát sinh ở Nam bộ vào cuối Thế chiến thứ Nhất. Cao Đài chống lại tất cả các chính quyền muốn kiểm soát nó. Giáo phái này vẫn đang còn hoạt động, mặc dù bị chính quyền theo dõi đặc biệt.

Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia (CPRP): Tổ chức cách mạng này được thành lập dưới sự yểm trợ của cộng sản Việt Nam từ đầu những năm 1950. Một trong ba đảng thừa kế đảng cộng sản Đông Dương bị giải tán năm 1951. Các lực lượng vũ trang của CPRP được gọi là Khmer Đỏ. Giữa những năm 60, Đảng cộng sản Khơ Me thay thế CPRP.

Trung ương Cục miền Nam (COSVN): Cơ quan đầu não của Cộng sản hoạt động ở miền Nam trong thời kỳ Pháp-Việt Minh và sau này chiến tranh Việt Nam. Thành lập năm 1951 và giải tán sau khi Sài Gòn sụp đổ năm 1975.

Đảng cộng sản Trung Quốc (CCP): Tên đảng bộ của Đảng cộng sản thành lập ở Thượng Hải, Trung Hoa năm 1921.

Quốc tế Cộng sản (CMT): Tổ chức cách mạng được thành lập tại nước Nga Xô viết năm 1919, Moscow là cơ quan đầu não của tổ chức. Trực tiếp lãnh đạo hoạt động của các đảng thành viên trên toàn thế giới. Giải tán năm 1943. Đảng cộng sản Đông Dương gia nhập tổ chức này năm 1935.

Đông Dương Cộng sản Đảng (CPI): Tổ chức cách mạng này chết yểu, gồm những phần tử ly khai từ Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội năm

1929. Tháng Hai năm 1930 hợp nhất với Tân Việt Đảng thành Đảng cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập.

Đảng cộng sản Liên Xô (CPSU): Tên cũ Đảng Cách mạng, được thành lập dưới sự chỉ đạo của Vladimir I. Lenin những năm 1920.

Đảng Hiến Pháp: Đảng chính trị ôn hòa do một số phần tử cải lương thành lập ở Nam bộ đầu những năm 1920. Đảng này chủ trương dành quyền tự trị dưới sự bảo trợ của Pháp. Lãnh đạo là Bùi Quang Chiêu hay lên tiếng chỉ trích Đảng cộng sản và bị cán bộ Việt Minh thủ tiêu trong thời gian Cách mạng tháng Tám 1945.

Đảng Đại Việt: Một tổ chức Dân tộc chủ nghĩa, thành lập trong thời kỳ Thế chiến II, theo Nhật kêu gọi và kết nạp những người không cộng sản chống chế độ thuộc địa của Pháp. Đảng này tồn tại ở Nam Việt Nam đến năm 1975 khi Sài Gòn sụp đổ.

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (DRV): Chính quyền độc lập do Hồ Chí Minh và Mặt trận Việt Minh thành lập ở Bắc Việt ngày 2/9/1945. Tháng 12-1946, quân đội Pháp đánh bật ra khỏi Hà-nội. Hiệp định Geneva năm 1954 thừa nhận chủ quyền của VNDCCH ở miền Bắc VN. Năm 1976 đổi thành Cộng Hòa XHCN Việt Nam.

Đông kinh Nghĩa thực (Hanoi Free School): Trường học do một số nhà trí thức yêu nước lập ra ở Hà nội để thúc đẩy cải cách trong thập niên đầu của thế kỷ XX. Sau khi bị Pháp đóng cửa, những nhà sáng lập đã truyền đạt ý tưởng vào trường Dục Thanh ở Phan thiết, nơi Hồ Chí Minh đã từng dạy trong thời gian ngắn năm 1910.

Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội (Đồng minh Hội): Tổ chức Việt Nam Dân Quốc dưới sự tài trợ của Quốc Dân Đảng Trung Hoa thành lập tháng Tám năm 1942. Tổ chức này liên kết một số đảng theo đường lối dân

tộc chủ nghĩa và là con đẻ của tướng Quốc dân đảng Trương Phát Khuê. Khuê định dùng liên minh này để chống Nhật ở Đông Dương. Mặc dù Hồ Chí Minh đã tranh thủ lợi dụng tổ chức này cho mục đích của mình, sau Thế chiến II, Hội này quay ra chống Đảng cộng sản Đông Dương kịch liệt. Khi cuộc chiến với Pháp nổ ra tháng 12 năm 1946, Hội này coi như giải tán.

Mặt trận Tổ quốc: Thành lập năm 1955 do chính phủ Việt Nam DCCH, thay thế cho mặt trận Liên Việt và trước đó là Mặt trận Việt Minh, một tổ chức ủng hộ đảng phái chính trị ở Việt Nam.

Lực lượng quân viễn chinh Pháp: Lực lượng quân đội Pháp đóng ở Đông Dương trong thời kỳ chiến tranh Pháp-Việt Minh.

Hòa Hảo: Một tổ chức tôn giáo hồ lớn do nhà sư Huỳnh Phú Sổ thành lập năm 1939. Cực kỳ chống Pháp và chống Cộng từ sau Thế chiến II. Hiện vẫn đang hoạt động dưới sự theo dõi sát sao của chính quyền Cộng Hoà XHCNVN.

Thanh niên Cao vọng: một tổ chức dân tộc do Nguyễn An Ninh thành lập ở Sài gòn giữa những năm 1920. Chết yếu.

Quốc Tử Giám: Trường đào tạo quan lại do triều đình tổ chức, được xây dựng từ thế kỷ thứ XI ở Hà-nội. Từ thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn chuyển về kinh đô Huế. Thân phụ Hồ Chí Minh được làm việc thời gian ngắn ở đây trong vai trợ giáo.

Đảng cộng sản Đông Dương (ICP): Do Hồ Chí Minh và các đồng chí thành lập tháng 10-1930. Tên cũ là Đảng cộng sản Việt Nam thành lập tháng 2-1930. Tự giải tán năm 1945. Tái thành lập năm 1951 dưới tên Đảng Lao động Việt Nam.

Liên bang Đông Dương: Kế hoạch của Đảng cộng sản Đông Dương giữa

thập niên 1930 để thành lập nhà nước Liên bang Cách mạng gồm Việt Nam - Lào - Campuchia. Sau Thế chiến II, năm 1951, kế hoạch này được gọi là “mối quan hệ đặc biệt” giữa ba nước.

Liên hiệp Đông Dương: tổ chức hành chính do Pháp lập ra cuối thế kỷ XIX để bảo đảm luật lệ của Pháp ở khu vực bao gồm Nam Kỳ - An nam (Trung Kỳ) - Bắc Kỳ -Lào - Campuchia.

Ủy ban Kiểm soát quốc tế: Một tổ chức giám sát thực thi hiệp định đình chiến Geneva tháng 7-1954, gồm có Canada, Ấn Độ, Ba Lan.

Đảng cộng sản Khmer: Tổ chức cộng sản thành lập giữa thập niên 1960 do Pol Pot cực đoan đứng đầu thay thế Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia thành lập năm 1951.

Khmer Đỏ: Tên thường dùng để chỉ lực lượng cách mạng Campuchia. Đôi khi người ta cũng chỉ Đảng cộng sản Khmer.

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: Đảng do Đảng cộng sản Việt Nam bảo trợ, thành lập đầu năm 1950, còn hay được gọi là Pathet Lào.

Mặt trận Liên Việt: Do Đảng cộng sản Đông dương thành lập năm 1946 để tranh thủ sự ủng hộ của dân chúng với đảng, sát nhập với Việt Minh năm 1951, đến năm 1955, Mặt trận Tổ quốc thay thế.

Quốc học: Trường trung học uy tín ở Huế, thành lập năm 1896, đào tạo các quan lại thế hệ mới, dạy tiếng Pháp và các môn văn minh phương Tây. Hồ Chí Minh học trường này từ 1907 đến 1908.

Vệ quốc quân: Tên gọi tắt của Giải phóng quân (VLA) sau Cách mạng tháng Tám, được chọn để tránh rắc rối với lực lượng Trung Hoa đang chiếm đóng.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam (NLF): Liên minh rộng rãi

nhiều nhóm chống đối tại Nam Việt, thành lập năm 1960 dưới sự bảo trợ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, giải tán năm 1976 sau khi thống nhất hai miền.

Ủy ban Giải phóng Dân tộc: Cơ quan đại diện cho Việt Minh, thành lập ở Tân Trào để chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám. Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

Cứu quốc Hội: Một tổ chức quần chúng rộng lớn do Đảng cộng sản Đông Dương thành lập chống Pháp trong Thế chiến thứ II. Sau năm 1954 thường được gọi là Hội Cứu quốc.

Tân Việt Cách mạng Đảng: Đảng cách mạng chống Pháp, thành lập cuối những năm 1920, sau đó sát nhập vào với Đông Dương Cộng sản Đảng (ICP).

Pathet Lào: Tên gọi lực lượng quân đội cách mạng Lào. Trong chiến tranh Việt Nam, lực lượng quân đội này liên kết với Bắc Việt chống Mỹ.

Quân đội Nhân dân Việt Nam: Quân đội thường trực, thành lập sau 1954, kế thừa Giải phóng quân Việt Nam hoạt động trong chiến tranh chống Pháp.

Giải phóng Quân Nhân dân: Còn gọi là Việt Cộng. Thành lập năm 1961, tên cũ của lực lượng trong phong trào cách mạng trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam.

Việt Nam Cộng hoà (RVN): Tên cũ của chính phủ không cộng sản, thành lập ở Nam Việt sau Hội nghị Geneva. Năm 1956 đổi tên Việt Nam Tự do. Việt Nam Cộng Hoà sụp đổ năm 1975, bị đồng hoá trở thành Cộng hoà XHCNVN.

Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội: Một tổ chức cách

mạng rất sớm do Hồ Chí Minh sáng lập ở Nam Trung Hoa năm 1925. Kết hợp chủ thuyết cộng sản và quốc gia, sau đó Đảng cộng sản thay thế 1930.

Cộng hoà XHCN Việt Nam: Tên nhà nước Việt Nam thống nhất từ năm 1976 sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc.

Khối Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO): Liên minh do Mỹ thành lập 1954 để ngăn chặn sự bành trướng chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á. Hiện nay đang tan rã.

Thanh niên Tiền phong: Một phong trào thanh niên rộng khắp Nam Bộ được Nhật ủng hộ, do Phạm Ngọc Thạch thành lập trong thời gian Thế chiến II. Đảng cộng sản Đông Dương đã dùng lực lượng này để hỗ trợ Cách mạng tháng Tám tại Sài Gòn.

Việt Cộng: Tên miệt thị để chỉ quân giải phóng miền Nam Việt Nam trong chiến tranh Việt Nam. Tên cũ của Lực lượng Vũ trang Giải phóng miền Nam (NLF).

Mặt trận Việt Minh: Do Đảng cộng sản Đông Dương (ICP) đứng ra thành lập tháng 5-1941. Lực lượng chính trị chủ yếu chống Pháp trong Thế chiến thứ II và sau 1945 dành độc lập.

Đảng cộng sản Việt Nam: do Hồ Chí Minh thành lập tháng 2/1930. Sau đó đổi thành Đảng cộng sản Đông Dương (ICP). Đến tháng 12-1976 mới lấy lại tên này.

Đảng Dân chủ Việt Nam: Một đảng chính trị non yếu không cộng sản, thành lập dưới sự bảo trợ của Đảng cộng sản Đông Dương, tập hợp những phần tử yêu nước không cộng sản trong thành phần Việt Minh năm 1944. Đảng đại diện cho những nhà khoa học trí thức yêu nước. Tồn tại đến sau năm 1976.

Việt Nam Giải phóng quân: Tên cũ của lực lượng kháng chiến chống Pháp của Đảng cộng sản Đông Dương trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp sau Thế chiến II. Thành lập đầu tiên tháng 12 -1944, đổi tên Quân đội Nhân dân Việt Nam sau Hội nghị Geneva 1954.

Việt Nam Giải phóng Đồng Minh: Một tổ chức mặt trận do Hồ Chí Minh sáng lập ở miền Nam Trung Quốc năm 1941, nhằm tập hợp các phần tử chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Đông Dương Cộng sản Đảng, nhưng sau đó có nhiều phần tử chống cộng tham gia trong một số khu vực. Sau đó Đồng Minh Hội thay thế.

Quân đội Quốc gia Việt Nam: Tên chính thức của các lực lượng vũ trang của Quốc gia Liên hiệp do Bảo Đại làm Quốc trưởng. Sau hội nghị Geneva, năm 1956 được Quân đội Việt Nam Cộng hòa thay thế.

Việt Nam Quốc dân đảng: Đảng dân tộc không cộng sản, thành lập ở Bắc Kỳ năm 1927. Trong nhiều thập niên là đối trọng chính trị chủ yếu của Đông Dương Cộng sản Đảng. Nay đã bị giải tán.

Việt Nam Quang phục Hội: Đảng chống thực dân do Phan Bội Châu thành lập năm 1912. Mục tiêu thay thế chế độ quân chủ bằng nền cộng hòa. Sau mấy cuộc nổi dậy thất bại, đảng bị mất uy tín và tan rã.

Đảng Lao động Việt Nam: Tên hình thức của Đảng cộng sản Việt Nam năm 1951. Sau đó đổi tên Đảng cộng sản Việt Nam.



MỞ ĐẦU

Sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, những xe tăng Bắc Việt Nam do Liên Xô sản xuất âm thầm lao qua ngoại ô bắc Sài Gòn và tiến về dinh tổng thống nằm giữa thành phố này. Trên xe tăng, binh sĩ mặc binh phục dã chiến và mũ cối đặc trưng gắn một ngôi sao vàng, vẫy cờ Chính phủ Cách mạng lâm thời.

Sáng 30 tháng 4 năm 1975, những chiếc xe tăng Bắc Việt do Liên Xô sản xuất âm thầm tiến qua các vùng ngoại ô bắc Sài Gòn hướng về phủ tổng thống, trung tâm thành phố. Ngồi trên những chiếc xe tăng là những người lính mặc quân phục dã chiến, đội mũ cối gắn sao vàng, vẫy cờ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Ngay sau buổi trưa, một tốp xe tăng chậm chạp lăn bánh dọc theo đại lộ Thống Nhất ngang qua Tòa đại sứ Hoa Kỳ, nơi mà cách đó hai tiếng những người lính thuỷ đánh bộ Mỹ cuối cùng được máy bay trực thăng đưa đi từ trên nóc toà nhà. Chiếc xe đi đầu lường lự giây lát ngoài cánh cổng sắt dinh tổng thống rồi đâm thẳng húc đổ cánh cổng, xe dừng lại bên thảm cỏ ngay trước thềm vào dinh. Người chỉ huy xe tăng trẻ tuổi bước vào toà nhà, gặp Tổng thống Dương Văn Minh - “Minh Lớn” chợp nhoáng. Sau đó anh lên nóc dinh, tiến tới cột cờ và thay lá cờ Việt Nam Cộng Hoà bằng lá cờ xanh đỏ của Chính phủ Cách mạng lâm thời.

Cuộc chiến tranh kéo dài ở Việt Nam đã kết thúc. Sau gần một thập niên chiến đấu gian khổ và đẫm máu đã làm hơn 50.000 lính Mỹ tử trận, những

người lính Mỹ cuối cùng đã lên đường về nước sau khi Hiệp định Paris được ký kết vào 1-1973. Tuy nhiên, Hiệp định này đã nhanh chóng vi phạm, vài tháng sau, các lực lượng vũ trang của chế độ Sài Gòn đã liên tiếp đụng độ với Việt Cộng và quân đội Bắc Việt (Quân đội Nhân dân Việt Nam) trong đó có hơn 100.000 người được Hiệp định ngầm chấp thuận ở lại miền Nam. Tháng 12 năm 1974, được khích lệ bởi thắng lợi trên chiến trường và nhận định Hoa Kỳ sẽ không can thiệp lại vào cuộc chiến, các nhà lãnh đạo đảng (Đảng cộng sản Việt Nam lúc đó mang tên Đảng Lao động Việt Nam) thông qua kế hoạch của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam tiến hành chiến dịch trong hai năm nhằm đánh đổ chính quyền Sài Gòn vào mùa xuân năm 1976. Tuy nhiên, những trận đánh thăm dò ban đầu dọc biên giới Campuchia và Tây Nguyên đầu năm 1975 đã cho thấy Sài Gòn chống trả yếu ớt. Do vậy, cuối tháng 3-1975, Hà Nội đã ra lệnh cho các tư lệnh chỉ huy ở miền Nam giành thắng lợi cuối cùng trước khi mùa khô kết thúc vào cuối tháng 4-1975. Hệ thống phòng thủ của Sài Gòn phía bắc Nam Bộ đã nhanh chóng sụp đổ và tới giữa tháng Tư những đoàn quân Bắc Việt đã nam tiến về Sài Gòn. Tổng thống Nam Việt Nguyễn Văn Thiệu từ chức ngày 21 tháng 4 năm 1975. Người kế nhiệm là một chính trị gia Sài Gòn lớn tuổi Trần Văn Hương cũng chỉ nắm chính quyền trong bảy ngày và lại bị Minh “Lớn” thay thế với mong muốn tuyệt vọng, viên tướng miền Nam được nhiều người biết đến có thể sẽ khiến cho Bắc Việt chấp nhận thoả hiệp hòa bình. Nhưng những cử chỉ thăm dò hòa bình của tướng Minh đã bị Hà Nội lừa đi.

Thắng lợi của cộng sản ở Sài Gòn là kết quả của lòng quyết tâm và sự lãnh đạo tài tình của nhà lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn và những cộng sự kỳ cựu của ông ở Hà Nội. Một đóng góp không kém phần quan trọng là những đoàn quân Bắc Việt và du kích Việt Cộng - gọi tắt là bộ đội (bộ đội

tiếng Việt có nghĩa như GI của Hoa Kỳ), những người đã chiến đấu và hy sinh cả một thế hệ cho sự nghiệp cách mạng trong những khu rừng rậm và đầm lầy ở miền Nam Việt Nam. Nhưng quan trọng hơn cả là tầm nhìn, ý chí và khả năng lãnh đạo của một con người. Hồ Chí Minh, người sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam, nhà lãnh đạo phong trào cách mạng và Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tới khi ông mất vào năm 1969, sáu năm trước khi chiến tranh kết thúc. Để tỏ lòng kính trọng đối với những cống hiến của ông, sau khi Sài Gòn sụp đổ, các đồng chí của ông đã đổi tên Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Là đặc vụ của Quốc tế Cộng sản tại Moscow, thành viên phong trào cộng sản quốc tế, kiến trúc sư cho sự thắng lợi của Việt Nam, Hồ Chí Minh, rõ ràng là một trong những nhân vật chính trị có ảnh hưởng lớn nhất của thế kỷ XX. Hồ Chí Minh còn là một trong những nhân vật huyền bí nhất, một con người với những động cơ và hành động đã gây nhiều tranh cãi. Trong ba thập niên, đã có những tranh luận về một câu hỏi nhìn bề ngoài có vẻ đơn giản về những động cơ xuyên suốt cuộc đời Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng. Hồ Chí Minh là người theo chủ nghĩa dân tộc hay theo chủ nghĩa cộng sản? Hình ảnh giản dị, vô tư của Hồ Chí Minh trước công chúng, chân thực hay giả dối? Với những người ủng hộ, Hồ Chí Minh là biểu tượng của chủ nghĩa nhân đạo cách mạng, là bậc cha anh đã cống hiến tất cả cho hạnh phúc của nhân dân và công cuộc giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Đối với những người đã được gặp ông, cả người Việt Nam cũng như người nước ngoài, ông là một “người hiền lành, tử tế”. Cho dù là một nhà lãnh đạo lớn trên thế giới, thực chất ông là nhà ái quốc vị tha gần gũi với nhân dân và nguyện suốt đời mang lại cuộc sống ấm no cho nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, một số nhà phê bình lại chỉ trích những hành động cách

mạng thái quá mà người ta vẫn cho rằng là của ông và ông có tính cách hay thay đổi theo hoàn cảnh, một con sói đội lốt cừu.

Nghi ngờ về tính cách và những động cơ bên trong của Hồ Chí Minh là trọng tâm của cuộc tranh luận ở Hoa Kỳ về mặt đạo lý của cuộc chiến Việt Nam. Đối với những người chỉ trích chính sách của Hoa Kỳ, Hồ Chí Minh là người yêu nước giản dị đã lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập cho nhân dân Việt Nam, người đấu tranh mạnh mẽ chống lại chủ nghĩa đế quốc toàn cầu trong Thế Giới Thứ Ba. Những người ủng hộ nỗ lực chiến tranh của Hoa Kỳ nghi ngờ động cơ yêu nước của Hồ Chí Minh gián tiếp chỉ ra rằng, ông từ lâu là đặc vụ của Iosiff Stalin, đã có năm thập niên phục vụ cho cách mạng thế giới. Họ cho rằng, hình ảnh chủ nghĩa dân tộc mà Hồ Chí Minh cần mãi gây dựng chỉ là mưu đồ để giành sự ủng hộ trong nước và quốc tế cho sự nghiệp cách mạng.

Đối với người Mỹ, cuộc tranh luận về Hồ Chí Minh tạo ra những cảm xúc mạnh mẽ về một cuộc chiến tranh đã đi vào quá khứ. Đối với người Việt Nam cuộc tranh luận gợi nên những câu hỏi quan trọng hơn nhiều, bởi điều này xác định những vấn đề trọng tâm trong cuộc cách mạng Việt Nam - mối quan hệ giữa quyền tự do con người và bình đẳng về kinh tế ở nước Việt Nam mới trỗi dậy sau chiến tranh-. Kể từ khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, các cộng sự của Hồ Chí Minh, một số vẫn đang nắm giữ quyền hành tại Hà Nội, đã không ngừng đúc rút từ những ký ức của Hồ Chí Minh để thần thánh hoá mô hình phát triển đất nước cộng sản. Những người này cho rằng, mục tiêu của Hồ Chí Minh trong suốt sự nghiệp của mình là xoá bỏ bóc lột của chủ nghĩa tư bản toàn cầu và tạo ra một thế giới cách mạng mới với đặc điểm chính là chủ nghĩa xã hội không tưởng của Karl Marx. Tuy nhiên, một số ý kiến khác lại không đồng tình, cho rằng mục tiêu chính trong sự nghiệp của

ông là quyết tâm làm mềm mỏng nguyên tắc cứng nhắc bất di bất dịch trong cuộc đấu tranh giai cấp theo luận thuyết Marxist thông qua việc kết hợp nguyên tắc này với Khổng Tử và ba nhân tố cách mạng Pháp là Tự do, Bình đẳng và Bác ái. Để biện hộ, họ trích dẫn một trong những khẩu hiệu của ông thường thấy ở Việt Nam ngày nay “Không có gì quý hơn độc lập tự do”^[1*].

Vì thế cuộc tranh luận về Hồ Chí Minh là cốt lõi của một số vấn đề quan trọng tạo nên dấu ấn thế kỷ XX, kỷ nguyên của chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa cách mạng, chủ nghĩa quân bình và phấn đấu vì quyền tự do của con người. Sự phức tạp trong tính cách của Hồ Chí Minh phản ánh phức tạp của thời đại. Ông vẫn là một thế lực đầy uy quyền ở Việt Nam sau chiến tranh được hàng triệu người kính trọng nhưng rõ ràng cũng bị nhiều người căm ghét. Dù tốt hay xấu, Hồ Chí Minh đã thể hiện trong ông hai động lực quan trọng của xã hội hiện đại - khao khát độc lập dân tộc và phấn đấu vì công bằng kinh tế và xã hội. Mặc dù chúng ta chưa có đủ tất cả mọi bằng chứng nhưng đã đến lúc phải phân tích đánh giá nhân vật có ảnh hưởng trong thế kỷ XX dưới góc độ lịch sử.

Những khó khăn mà bất kỳ một nhà viết tiểu sử nào muốn tìm hiểu vấn đề này gặp phải đều rất lớn. Mặc dù tên Hồ Chí Minh được hàng triệu người trên thế giới biết đến nhưng lâu nay rất thiếu những nguồn thông tin có thể kiểm chứng được về cuộc đời ông. Phần lớn thời thanh niên hoạt động cách mạng chống lại chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương, ông đã phải tha phương trong nhiều năm cũng như sống bí mật ngay trên đất nước mình. Suốt thời gian đó, ông sống và đi lại một cách bí mật với nhiều bí danh khác nhau. Người ta ước tính khi sinh thời, ông Hồ đã sử dụng khoảng hơn năm mươi tên giả ^[2*]. Rất nhiều bài viết của ông được đăng dưới các bí danh đó trong khi nhiều bài viết khác của ông bị thất lạc hoặc bị huỷ hoại trong gần ba mươi năm chiến tranh.

Hồ Chí Minh cũng đã tạo ra sự mơ hồ bằng việc chấp nhận điều bí ẩn thú vị về cuộc đời mình. Trong nhiều năm, ông đã phủ nhận nhân vật nổi tiếng chưa được xác định sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh thực ra là Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập Đảng cộng sản Đông Dương và là đặc vụ lỗi lạc của Quốc tế Cộng sản III trong thời kỳ trước chiến tranh. Thậm chí khi sự thật về con người ông được khám phá, Hồ Chí Minh vẫn hết sức giữ bí mật về những sự kiện quan trọng trong cuộc đời trước đây của mình và một số ít tác phẩm tự truyện của ông được viết dưới các bí danh khác nhau. Một trong số những tác phẩm đó được chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà xuất bản bằng nhiều thứ tiếng vào cuối những năm 1950. Chỉ trong những năm gần đây, các nhà nghiên cứu ở Hà Nội mới có thể khẳng định được những tác phẩm đó do chính Hồ Chí Minh viết.^[3*]

Khó khăn trong việc biên soạn tiểu sử Hồ Chí Minh lại càng lớn hơn vì không thể tiếp cận được các nguồn thông tin. Vì sinh thời ông đã sống, đã đi qua nhiều nước trong suốt cuộc đời nên những thông tin về các hoạt động của ông cũng bị tản mát ở nhiều châu lục. Ông còn biết một số ngoại ngữ và số lượng lớn các tác phẩm của ông (bao gồm những cuốn sách nhỏ, những bài báo, phóng sự và những bức thư) được viết bằng nhiều thứ tiếng Anh, Pháp, Trung Quốc và Nga cũng như bằng tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ.

Mãi cho tới gần đây, các học giả vẫn chưa có được phần lớn những thông tin này. Thậm chí ngày nay các nhà nghiên cứu Việt Nam và nước ngoài không được tiếp cận các tư liệu lưu trữ tại Hà Nội. Những thông tin liên quan đến các hoạt động của ông ở Trung Quốc, Liên Xô cũng rất hạn chế và hiếm khi được chính phủ Trung Quốc hay Liên Xô tiết lộ. Hầu như chỉ có một quãng thời gian trong cuộc đời Hồ Chí Minh được tìm hiểu kỹ lưỡng là thời gian ngắn ngủi ông ở Pháp sau Thế chiến thứ Nhất (1914-1918). Việc Pháp

công khai các tài liệu lưu trữ thực dân vào đầu những năm 1970 đã giúp công chúng lần đầu tiên được tìm hiểu về những năm tháng đó của cuộc đời ông. Gần đây, những tuyển tập dày các tác phẩm của ông đã được xuất bản tại Việt Nam, tuy nhiên những tuyển tập này hoàn toàn không đầy đủ trong khi việc chính thức hiệu đính một số văn bản lại gây ra mối lo ngại về độ chính xác. Tài liệu lưu trữ của Đệ Tam Quốc tế tại Moscow một phần đã được công khai cho các học giả sử dụng, tuy nhiên các biên bản chi tiết về mối quan hệ giữa ông và các nhà lãnh đạo Xô viết vẫn chưa được công bố cho các nhà quan sát bên ngoài. ^[4*]

Còn một câu hỏi nữa về Hồ Chí Minh liên quan tới đặc điểm lãnh đạo của ông. Mặc dù là người sáng lập Đảng cộng sản Đông Dương và là nhân vật hàng đầu trong phong trào cộng sản quốc tế nhưng ông không phải là một nhân vật có ảnh hưởng lớn như những nhà lãnh đạo cách mạng hiện đại khác như Lenin, Stalin hay Mao Trạch Đông. Sự lãnh đạo của ông hầu như dựa vào sự thuyết phục và đồng thuận thay vì áp đặt ý định của mình thông qua ảnh hưởng cá nhân. Ông cũng không viết nhiều về những tư tưởng hay động cơ bên trong của mình. Trái với các nhân vật cách mạng kiệt xuất khác, Hồ Chí Minh rất ít quan tâm đến ý thức hệ hay tranh luận tri thức, thay vào đó tập trung suy nghĩ và hành động của mình vào những vấn đề thực tiễn để giúp đất nước và các xã hội thuộc địa khác thoát khỏi chủ nghĩa đế quốc phương Tây. Vì những lý do đó, các học giả, đôi khi cả những người đồng sự, luôn xem Hồ Chí Minh chỉ là một người hoạt thực tiễn hơn là một nhà lý luận cách mạng. Sự phân biệt này dường như không làm ông bận tâm. Một người khi phỏng vấn ông đã hỏi tại sao ông chưa bao giờ viết luận thuyết về ý thức hệ, ông đã khôì hài trả lời, ý thức hệ là điều ông dành cho Mao Trạch Đông. Trong những năm cuối đời, các công trình nghiêm túc về học thuyết chủ

nghĩa hay về chiến lược được xuất bản ở Việt Nam thường được các cộng sự của ông là Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh hay Lê Duẩn thực hiện.

Do chủ đề này còn gây tranh cãi cũng như sự hạn chế về những nguồn thông tin đáng tin cậy, chẳng có gì đáng ngạc nhiên vì vẫn chưa có một cuốn tiểu sử nghiêm chỉnh nào về Hồ Chí Minh được xuất bản bằng tiếng Anh trong hai mươi năm qua. Vào lúc cuộc chiến tranh ở Việt Nam lên đến đỉnh điểm, một số nghiêm cứu về tiểu sử Hồ Chí Minh đã được xuất bản, tuy nhiên phần lớn trong số này chỉ nhằm vào thị hiếu chứ không tận dụng triệt để các nguồn tài liệu sẵn có. Ở miền Bắc Việt Nam, một số cuốn tiểu sử chính thức hoặc bán chính thức đã được xuất bản nhưng tất cả đều bị mất giá trị bởi vì các nỗ lực thần thoại hoá ông như một vị thánh hơn là một nhân vật chính trị, mang tính biếm hoạ hơn là thực tế.^[5*]

Ngày nay, khi những cảm xúc mạnh về chiến tranh ở Việt Nam đã bắt đầu lắng xuống và đã có thêm các nguồn tư liệu bổ xung ở nhiều nơi trên thế giới, chúng ta có đủ lý do lạc quan, có thể hiểu rõ hơn về cuộc đời Hồ Chí Minh. (Những nguồn tư liệu này được đề cập ngắn gọn trong phần chú giải về các nguồn tư liệu về cuốn sách). Cho dù không thể làm sáng tỏ toàn bộ những bí mật cuộc đời ông, những người viết tiểu sử chuyên cần giờ đây đã có thể tập hợp được một số giả thuyết để trả lời một số câu hỏi thường xuyên được nêu ra về cuộc đời và nhân cách của ông. Tôi đã cố gắng trả lời những câu hỏi này trong cuốn sách cũng như trong phần chú giải cuốn sách về những vấn đề mang tính học thuật.

Phần lớn những năm đầu cuộc đời ông - giai đoạn trước khi ông đến Paris vào cuối Thế chiến I - chỉ có nguồn từ các bút tích của ông như đã nói trên và các tài liệu lịch sử ở Việt Nam. Tuy nhiên, ở Việt Nam, sách báo được nhà nước ủng hộ đã mô tả ông như một huyền thoại, một thiên tài của thời đại.

Một số nhà nghiên cứu đã hoài nghi độ tin cậy của những thông tin về cuộc đời ông được các nguồn chính thức tại Việt Nam công bố. Sau khi xác minh kỹ các bằng chứng, tôi cho rằng phần lớn những thông tin đó là đáng tin cậy mặc dù có một số chi tiết còn gây nhiều tranh cãi và một số khác rõ ràng là không chính xác. Để tránh sự tranh luận kéo dài vô tận liên quan tới độ chính xác của các sự kiện về các hoạt động của ông, tôi đã quyết định thể hiện sự hiểu biết của mình về cuộc đời Hồ Chí Minh dưới dạng tường thuật đồng thời dành phần chú giải cuốn sách cho những tranh luận về các bằng chứng, nếu như có một số lý do hợp lý để nghi ngờ các giải thích nào đó về các sự kiện, vấn đề đã được nêu trong bài viết. Tôi hy vọng điều này sẽ giúp thể hiện đặc điểm đầy kịch tính về cuộc đời Hồ Chí Minh và tầm quan trọng của đặc điểm đó trong việc hình thành lịch sử Việt Nam thế kỷ XX.

Hiện vẫn tồn tại vấn đề về thiên hướng chính trị. Cũng như thế hệ vừa qua không thể có cách nhìn về cuộc chiến ở Việt Nam một cách khách quan và người viết tiểu sử cũng khó tạo ra một bức tranh về người đã mang lại chiến thắng cho cộng sản mà không đưa ra thiên hướng chính trị của người đó. Qua nhiều thập niên, từ khi tôi hiểu biết nhiều hơn về cuộc đời của Hồ Chí Minh, tôi đã kính trọng tài năng và sự tận tâm của ông với tư cách là một nhà cách mạng mà không hề làm tôi mất đi khả năng đánh giá ông như một nhà cách mạng, một nhà chính trị và một con người. Tôi dần tin rằng sự thật bao giờ cũng phức tạp hơn hình ảnh trước công chúng mà người ta vẫn tưởng tượng, đây cũng là điều thường xảy ra. Mặc dù luôn có sự thôi thúc để tìm ra một số sợi dây đơn lẻ xuyên suốt (“sự thật giấu dưới lớp thảm” trong câu kinh điển của Leon Edel) tôi muốn để cho sự thật tự nói lên tất cả. Do vậy, tôi không cố gắng tạo ra những suy nghĩ hư cấu hay những câu chuyện đối thoại nhằm tìm cách giải thích của riêng tôi về những đặc điểm bên trong của ông. Giống như

các nhân vật vĩ đại khác trong lịch sử, Hồ Chí Minh là một con người phức tạp và tương phản, có đầy đủ những tài năng và tính cách có một không hai làm cho ông khác biệt với những nhân vật quan trọng khác của thời đại.

Có thể một số độc giả sẽ nghi ngờ và thất vọng vì bài viết không đề cập nhiều tới những năm tháng cuối trong cuộc đời ông vào thời kỳ cao điểm của cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Trên thực tế, vai trò của Hồ Chí Minh trong việc tạo ra cuộc chiến nhìn chung quan trọng hơn nhiều do với ảnh hưởng của ông ở Hà Nội trong toàn bộ cuộc chiến tranh khi mà ông thường bị ốm hay phải sang Trung Quốc chữa bệnh. Do vậy, nhiều độc giả cũng sẽ nhận ra, phần lớn cuốn sách này sẽ đề cập đến những cá nhân và các sự kiện mà độc giả chưa biết tới. Tôi hy vọng độc giả sẽ cảm thấy được bù lại bởi họ sẽ có được sự hiểu biết sâu sắc hơn về những nguyên nhân quan trọng của cuộc chiến tranh và những hậu quả của nó.

Trong tất cả những con người vĩ đại đều tiềm ẩn một vẻ huyền bí. Một số người cảm thấy thích thú những vẻ huyền bí đó hơn cả về bản thân Hồ Chí Minh. Trong một cuộc phỏng vấn với Bernard Fall, một học giả nghiên cứu về Việt Nam vào năm 1962, Hồ Chí Minh đã trả lời một trong những câu hỏi của Fall: “Người già thích có một vẻ bí ẩn nho nhỏ về bản thân. Tôi muốn giữ lại một chút bí ẩn của mình. Tôi tin rằng anh sẽ hiểu được điều đó”.^[6*]

Trong ngôi đền thờ các nhân vật anh hùng cách mạng, Hồ Chí Minh hẳn sẽ rất vui khi biết rằng ít ra trong cuốn tiểu sử này của mình, vẻ huyền bí xung quanh ông vẫn còn nguyên vẹn.



CHƯƠNG 1

THỜI KỲ MẤT NƯỚC

Trong khi những người chiến sĩ của ông hân hoan trên đường phố ăn mừng chiến thắng hay tiếp quản những cơ sở của quân địch thì ông lặng lẽ vào thành phố, không kèn không trống, sống tại toà nhà bình dân hai tầng trong khu thương mại phố Tàu. Ông ở đó vài ngày, cách biệt với bên ngoài, hồi hải làm việc với chiếc máy chữ cũ rích mà ông thường đem bên mình trong suốt hơn một thập niên đi đây đó từ Moscow đến miền nam Trung Hoa và sau cùng trở về quê hương trong những tuần đầu của năm 1941, nơi ba mươi năm trước ông đã ra đi.

Cuối tháng ông viết xong bài diễn văn dự định sẽ đọc trước đồng bào của mình, tuyên bố sự ra đời của một quốc gia mới. Ngay 2 giờ chiều ngày 2 tháng 9 năm 1945, ông đã có mặt trên lễ đài được dựng trên một khu đất lớn sau này là Quảng trường Ba Đình - phía tây thành phố. Ông mặc bộ quần áo ka-ki bạc màu rộng so với thân hình gầy gò của mình và chân đi dép cao su. Hàng nghìn người đã tập trung từ sáng sớm để nghe ông phát biểu. Với giọng thanh cao xứ Nghệ, đặc trưng cho nơi ông sinh ra, ông tuyên bố đất nước được độc lập và đọc bản Tuyên ngôn Độc Lập.

Đối với một vài người Mỹ tình cờ có mặt tại đó, những lời đầu tiên của

ông làm họ ngạc nhiên: *“Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá đã cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được: Trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”*.

Lúc đó là cuối mùa hè năm 1945, ngay sau khi đế quốc Nhật đầu hàng trên toàn châu Á. Địa điểm là Hà Nội, một thời là cố đô của Việt Nam, giờ đây là thành phố thuộc địa im lìm nằm giữa đồng bằng sông Hồng thường gọi là Đông Dương thuộc Pháp. Suốt hai thập niên, Nguyễn Ái Quốc đã tận tụy hết lòng khơi dậy lòng căm thù còn e ngại trong đồng bào của mình và những công chức thực dân Pháp cai trị họ. Giờ đây dưới một cái tên mới, ông giới thiệu mình với nhân dân Việt Nam với tư cách là Chủ tịch đầu tiên của một đất nước mới.

Lúc đó cái tên Hồ Chí Minh không được ai biết đến trừ một số ít đồng bào yêu nước của ông. Chẳng mấy ai trong số những người nghe Tuyên ngôn Độc lập hay những người trên khắp đất nước biết, trước đây của ông là đặc vụ của Quốc tế Cộng sản III (một tổ chức cách mạng còn được gọi là Quốc tế III do Lenin, người lãnh đạo Bolsevich sáng lập hai mươi sáu năm về trước), và là người sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam năm 1930. Giờ đây ông miêu tả mình là *“một người yêu nước đã phụng sự đất nước từ lâu”*. Trong một phần tư thế kỷ tiếp theo, nhân dân Việt Nam và thế giới đã có đánh giá đúng về ông.

Động lực khởi đầu cho hành trình lâu dài của ông tới Quảng trường Ba Đình đã bắt đầu từ cuối mùa hè năm 1858 khi một đội tàu chiến Pháp, với sự tham gia của một số tàu chiến của Tây Ban Nha, bất ngờ tấn công thành phố Đà Nẵng, một cảng biển thương mại cỡ trung bình thuộc duyên hải miền trung Việt Nam. Cuộc tấn công này không hoàn toàn bất ngờ. Trong nhiều